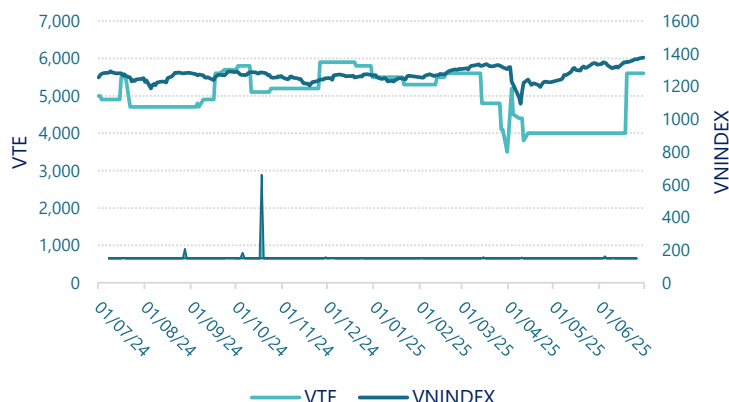


CTCP Vinacap Kim Long (UPCOM: VTE)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	5,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	5,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	3,500
SL cổ phiếu LH	15,600,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	235
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	87
P/E	45.6
EPS	123

DT thuần

Q2/25

159

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 49.0 | 44.5%

YoY: ▲ 89.4 | 128%

LN sau thuế

Q2/25

0.15

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 0.38 | -71.6%

YoY: ▲ 0.18 | 602%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

0.5%

+/- YoY: ▼ 0.5%

DT thuần

6T 2025

269

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 129 | 92.0%

LN sau thuế

6T 2025

0.68

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 1.49 | 184%

ROE

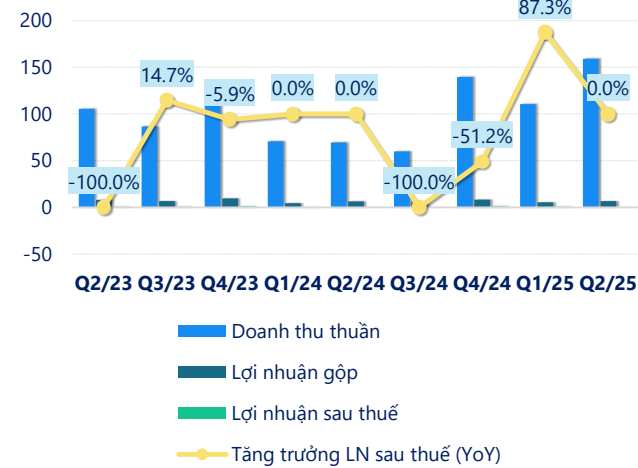
Q2/25

1.1%

+/- YoY: ▲ 0.7%

tỷ VNĐ

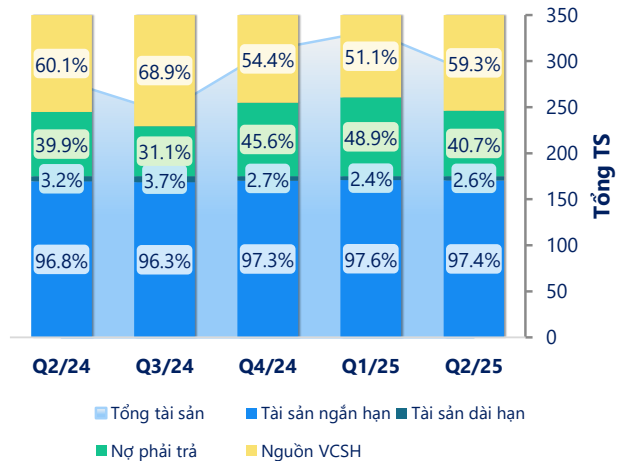
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

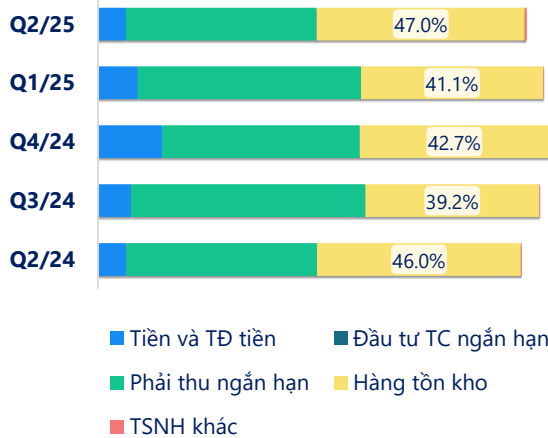
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



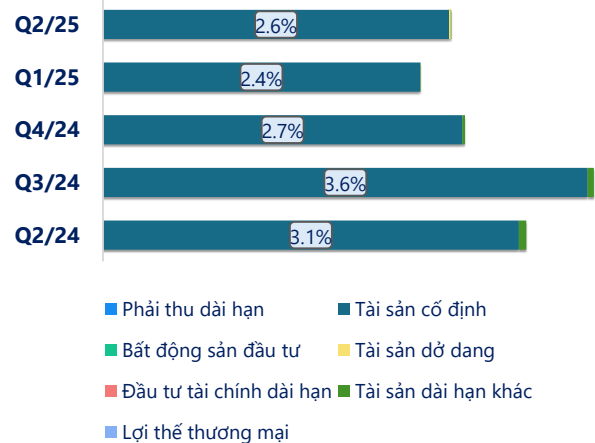
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

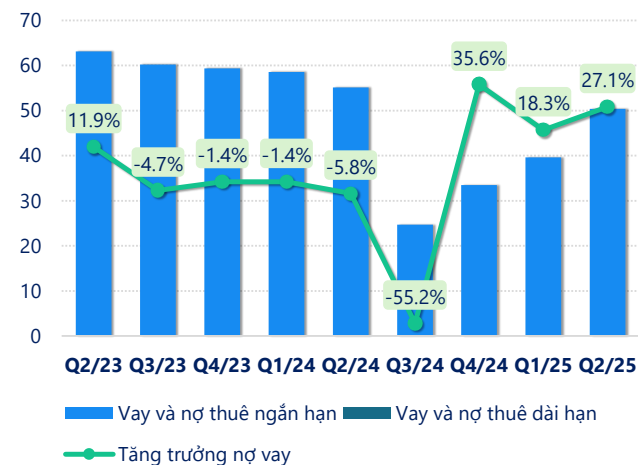
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

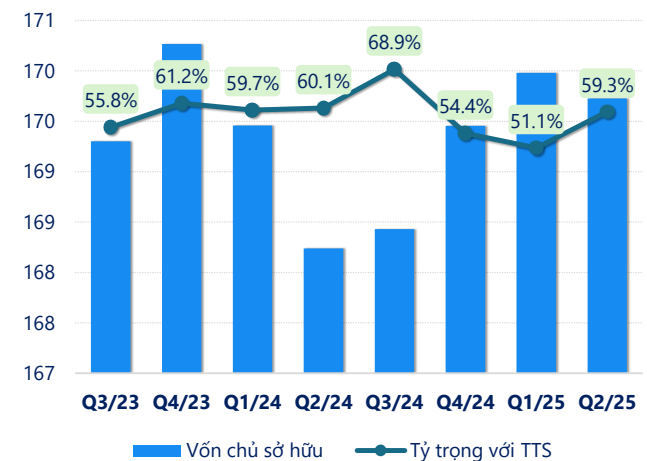
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

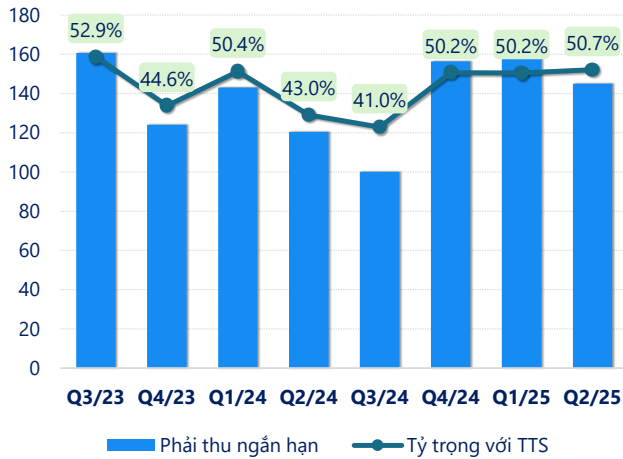
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



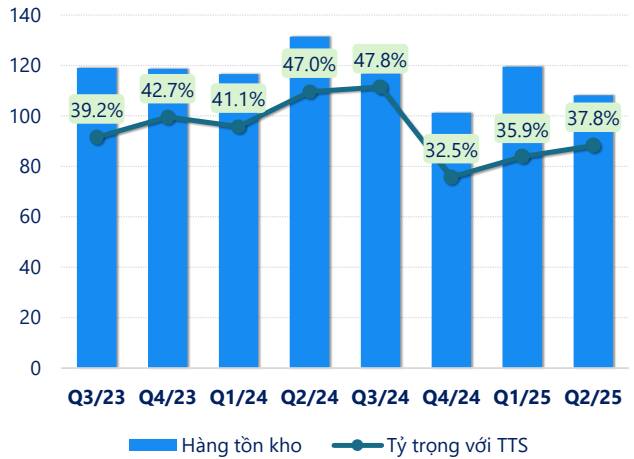
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


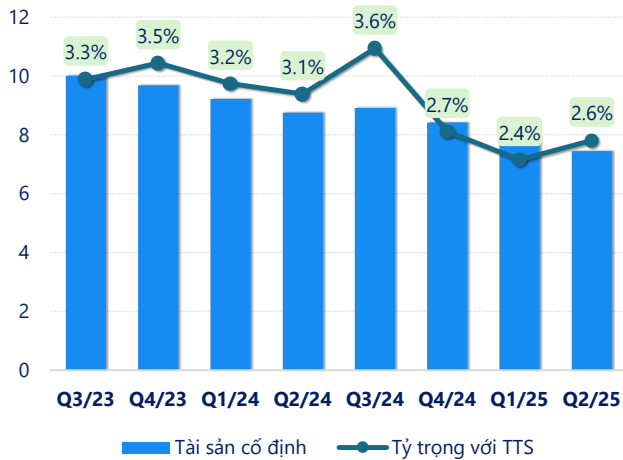
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


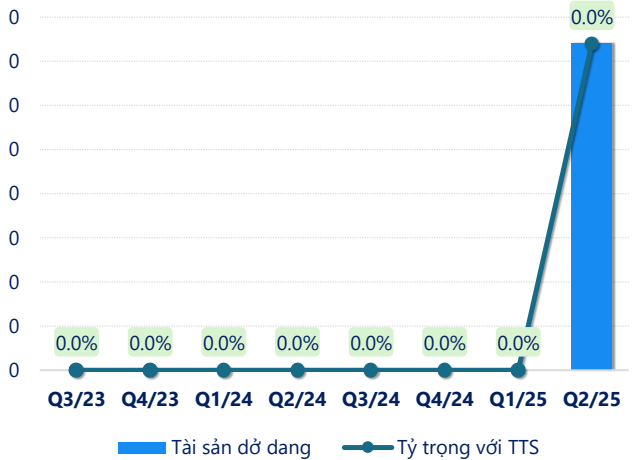
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

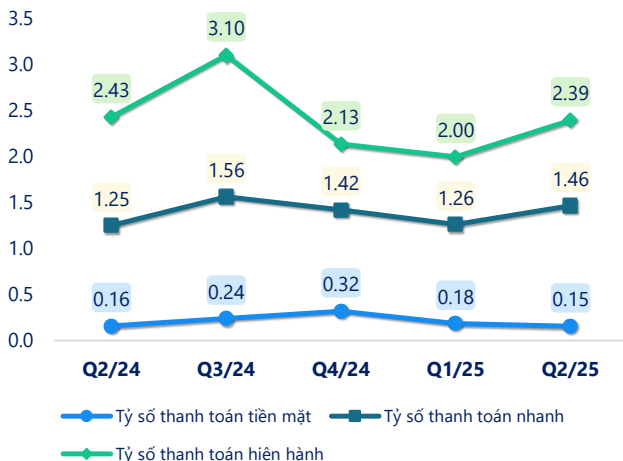
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

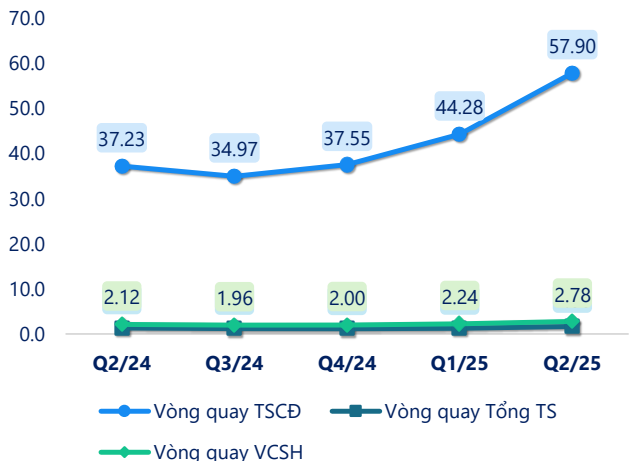
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	280	244	312	333	286
Tài sản ngắn hạn	271	235	303	325	279
Tiền và tương đương tiền	17.7	18.2	45.2	29.8	18.0
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	7.00	7.00
Phải thu ngắn hạn	120	100	156	167	145
Hàng tồn kho	131	117	101	120	108
Tài sản ngắn hạn khác	1.26	0.33	0.34	1.50	0.40
Tài sản dài hạn	8.91	9.02	8.49	7.95	7.49
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	8.75	8.91	8.42	7.93	7.45
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0.04
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	0.16	0.11	0.06	0.02	0.01
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	112	76.0	142	163	116
Nợ ngắn hạn	111	76.0	142	163	116
Vay và nợ thuê ngắn hạn	55.2	24.7	33.5	39.6	50.4
Phải trả người bán ngắn hạn	52.3	46.1	102	114	53.0
Nợ dài hạn	0.03	0.03	0.03	0.03	0.03
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	168	168	169	170	170
Vốn chủ sở hữu	168	168	169	170	170
Vốn điều lệ	156	156	156	156	156
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)